BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 04/08/2021

03/08/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,332.44	1.39%	1,469.87	1.50%	319.13	1.33%
Tổng KLGD (tr. cp)	**641.11**	**5.13%**	**231.24**	**12.25%**	**113.64**	**5.56%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**616.38**	**5.05%**	**225.71**	**13.71%**	**113.09**	**10.20%**
TB 20 phiên (tr. cp)	551.59	11.75%	213.71	5.61%	100.12	12.95%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**21,050.75**	**9.06%**	**11,666.22**	**16.21%**	**2,985.55**	**14.69%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**20,213.24**	**10.27%**	**11,300.38**	**19.41%**	**2,978.11**	**21.89%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	17,624.09	14.69%	10,162.03	11.20%	2,304.10	29.25%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	243	58%	26	87%	104	28%
Số mã giảm	140	33%	2	7%	96	26%
Số mã đứng giá	37	9%	2	7%	169	46%

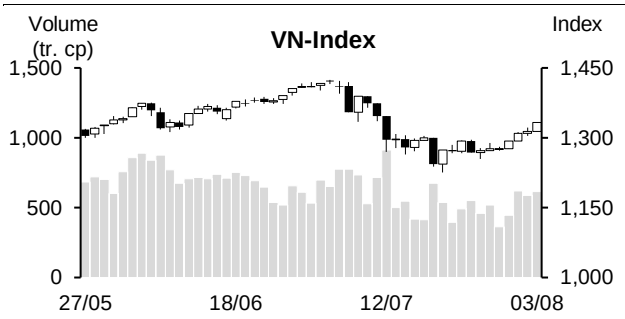

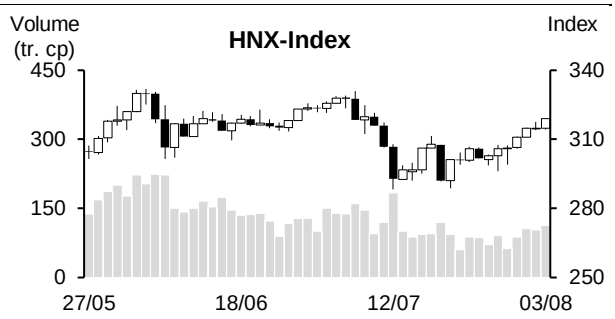

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục giữ vững mạch tăng điểm trong phiên hôm nay khi các cổ phiếu vốn hóa lớn đều đã lần lượt được kéo xanh trở lại. Trong đó, không thể không nhắc đến mức tăng khá ấn tượng của nhóm BĐS được dẫn đầu bởi bộ ba cổ phiếu Vingroup và nhóm ngân hàng. Ngoài ra, cuối phiên cũng chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của nhóm cổ phiếu chứng khoán đã giúp các chỉ số đồng loạt đóng cửa lên mức cao nhất trong ngày. Thanh khoản thị trường cũng đi lên, cùng với đó là độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của bên mua càng củng cố hơn nữa nhịp tăng của thị trường trong phiên hôm nay.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ bảy liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và ở trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với MA5 cắt lên MA20 cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1,338 điểm (MA50) hoặc xa hơn là vùng tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và vượt qua áp lực của MA50, cùng với chùm MA5, 10, 20 xuất hiện trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn, chỉ số có thể tiếp tục hướng lên thử thách ngưỡng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các vị thế hiện tại và cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Cổ phiếu khuyến nghị: TV2 (Mua)

Cổ phiếu quan sát: VNM, VHM, MSB, HTN

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TV2	Mua	04/08/21	43.6	43.6	0.0%	47	7.8%	42.1	-3.4%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VNM	Quan sát mua	04/08/21	87.1	92-93	Hai nến tăng điểm trở lại phủ nhận nến giảm vol cao trước đó + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng retest đáy thành công, đóng cửa vượt 87.5 sẽ xác nhận
2	VHM	Quan sát mua	04/08/21	110.9	125	Nến break mẫu hình Vai-Đầu-Vai đảo ngược và cắt lên lại các đường MA + vol lớn -> khả năng quay lại xu hướng tăng
3	MSB	Quan sát mua	04/08/21	29.2	31-32	Nến rút chân khi chạm MA50 kèm vol thấp cho tín hiệu test cung khá tốt -> khả năng tiếp tục nhịp tăng
4	HTN	Quan sát mua	04/08/21	36.3	40-42	Nhịp tăng tốt trở lại sau tín hiệu rũ bỏ + vùng gap 35-36 khả năng là gap bắt đầu xu hướng -> có thể canh mua khi giá giảm về retest vùng gap này

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Mua	12/07/21	30.7	29.5	4.1%	35	18.6%	27.9	-5%	
2	SJS	Mua	16/07/21	64	61.8	3.6%	70	13.3%	59	-5%	
3	HAX	Mua	23/07/21	20	19.35	3.4%	21.9	13%	18.4	-5%	
4	NTC	Mua	28/07/21	188.7	191.2	-1.3%	225	18%	185	-3%	
5	STB	Mua	30/07/21	29.8	29.3	1.7%	32.6	11%	28.3	-3%	
6	HPG	Mua	02/08/21	47.25	47.3	-0.1%	53	12%	44.5	-6%	
7	TDC	Mua	03/08/21	17.9	17.85	0.3%	20.2	13%	17.1	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Bộ Công Thương: Nhiều mặt hàng xuất khẩu Việt Nam có thể mạnh tận dụng tốt EVFTA

Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - EU (EVFTA) đến nay đã có hiệu lực được 1 năm. Bộ Công Thương cho biết nhiều mặt hàng xuất khẩu Việt Nam có thể mạnh đã tận dụng tốt EVFTA.

6 tháng đầu năm, tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan của mặt hàng xuất khẩu trong EVFTA đạt hơn 29%. Nhiều mặt hàng nông, lâm nghiệp xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có mức tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ cao su đạt 61 triệu USD, tăng gần 57%

Ngoài ra, Nông nghiệp công nghệ cao là một trong những lĩnh vực tiềm năng mà Việt Nam được hưởng lợi, nhằm nâng cao năng lực chế biến nông sản và thực phẩm.

Xuất khẩu thủy sản tháng 7 giảm 4% vì Covid-19

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu thủy sản nửa cuối tháng tháng 7 sụt giảm khoảng 15% -20% so với nửa đầu tháng, khiến cho kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 7 ở mức 763 triệu USD, giảm khoảng 4% so với cùng kỳ 2020. Mặc dù vậy, nhờ tăng trưởng cao trong nửa đầu năm nên lũy kế xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm vẫn tăng 11% đạt 4,88 tỷ USD.

Việt Nam thành nước xuất khẩu may mặc lớn thứ 2 thế giới

Đây là kết quả đánh giá thống kê thương mại thế giới mới nhất của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Với kết quả này, Việt Nam chỉ xếp sau Trung Quốc và vượt Bangladesh về bán hàng may mặc trên toàn cầu. Sản phẩm may mặc "made in Vietnam" chiếm 6,4% thị phần thế giới. Năm 2010, thị phần chỉ là 2,9%.

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may Việt Nam trong 7 tháng đầu năm đạt 18,6 tỷ USD, tăng hơn 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Bộ Công Thương đánh giá, một số thị trường xuất khẩu chính như Mỹ và châu Âu tăng nhu cầu mua sắm quần áo, giày dép khi kinh tế bắt đầu hồi phục, các lệnh giãn cách xã hội được gỡ bỏ. Điều này tạo cơ hội cho dệt may cán đích mục tiêu 39 tỷ USD năm nay, con số tăng trưởng như trước khi Covid-19 xuất hiện.

Nguồn： NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

PV Power lãi quý II tăng nhờ ghi nhận bán PVM và giảm khoản dự phòng

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, HoSE: POW) công bố doanh thu thuần hợp nhất quý II tăng 3% lên 7.956 tỷ đồng. Tuy nhiên lợi nhuận gộp vẫn giảm 14% xuống 1.144 tỷ đồng do giá vốn tăng nhiều hơn. Trong kỳ, doanh thu tài chính tăng 77% lên 360 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi bán công ty con Máy - Thiết bị dầu khí (PV Machino, UPCoM: PVM) gần 293.

Doanh nghiệp báo lãi sau thuế tăng 4% lên 890 tỷ đồng, riêng lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ tăng 16%, đạt 876 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng, PV Power ghi nhận doanh thu thuần đi ngang ở mức 15.617 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng 7% lên 1.656 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng mức tương tự lên 1.384 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần đạt 591 đồng.

Digiworld kỳ vọng lợi nhuận quý 3 đạt 121 tỷ đồng, tăng trưởng 61% so với cùng kỳ 2020

Theo thông tin từ CTCP Thế giới số (Digiworld, DGW), trong quý 3/2021, công ty kỳ vọng doanh thu đạt 4.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 121 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 24% và 61% so với cùng kỳ 2020.

Trước đó trong quý 2/2021, dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, Digiworld vẫn ghi nhận doanh thu thuần 4.218 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 116 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 63% và 142% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu thuần 6 tháng đầu năm đạt 9.225 tỷ đồng (+88%) và lợi nhuận sau thuế đạt 223 tỷ (+139%), tương đương với EPS trượt 4 quý đạt 9.447 VND. Với kết quả kinh doanh này, công ty đã hoàn thành 61% kế hoạch năm về doanh thu và 74% kế hoạch năm về lợi nhuận sau thuế.

Gemadept (GMD) dự chi gần 362 tỷ đồng trả cổ tức năm 2020

Công ty Cổ phần Gemadept vừa thông báo sẽ chốt danh sách trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 12%. Ngày đăng ký cuối cùng vào ngày 16/8 và thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 16/9/2021. Như vậy, với hơn 301,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty sẽ phải chi hơn 361,6 tỷ đồng để trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông.

Về kinh doanh, 6 tháng đầu năm 2021, Gemadetp ghi nhận tổng doanh thu đạt hơn 1.439 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu hoạt động khai thác cảng tăng 22,4%, chiếm tỷ trọng gần 86% tổng doanh thu và doanh thu hoạt động logistics, cho thuê văn phòng tăng nhẹ 2%, chiếm 14% tổng doanh thu.

Lợi nhuận gộp tương ứng đạt 578 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 388 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 350 tỷ đồng, tăng hơn 39% so với nửa đầu năm ngoái.

Năm 2021, Gemadept đặt ra 2 kịch bản kinh doanh. Trong đó, kịch bản lạc quan, doanh thu hợp nhất là 2.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 700 tỷ đồng. Kịch bản trung bình là doanh thu hợp nhất là 2.700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 630 tỷ đồng.

Nếu theo kịch bản lạc quan, GMD đã thực hiện được 51,4% chỉ tiêu doanh thu và 55,4% chỉ tiêu lợi nhuận.

Nguồn： Cafef，NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	114,500	6.51%	0.48%
VHM	110,900	2.59%	0.19%
VCB	98,800	1.86%	0.14%
TCB	51,800	1.97%	0.07%
BID	43,350	1.88%	0.07%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VND	49,900	8.48%	0.40%
NVB	26,900	8.91%	0.21%
PHP	25,100	6.36%	0.12%
SHB	27,500	0.73%	0.09%
MBS	29,900	3.10%	0.06%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
HVN	22,250	-2.20%	-0.02%
GAS	93,000	-0.53%	-0.02%
PLX	51,200	-0.58%	-0.01%
HNG	7,120	-4.43%	-0.01%
VCF	250,000	-4.58%	-0.01%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DTK	11,700	-5.65%	-0.11%
VCS	121,300	-0.82%	-0.04%
DXS	25,600	-1.16%	-0.03%
MVB	19,400	-4.43%	-0.02%
DNP	20,100	-3.83%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	47,250	0.00%	28,297,300
STB	29,800	1.71%	26,539,400
FLC	11,050	1.38%	26,078,300
TCB	51,800	1.97%	22,927,700
CTG	34,100	1.04%	22,282,600

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	49,900	8.48%	18,641,928
PVS	24,900	0.00%	11,260,601
SHB	27,500	0.73%	10,530,112
SHS	42,900	2.39%	8,301,023
KLF	3,900	5.41%	7,280,588

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	47,250	0.00%	1,335.7
TCB	51,800	1.97%	1,180.9
VHM	110,900	2.59%	1,093.7
SSI	56,500	2.73%	1,005.1
VIC	114,500	6.51%	827.0

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VND	49,900	8.48%	877.9
SHS	42,900	2.39%	350.2
SHB	27,500	0.73%	288.7
PVS	24,900	0.00%	276.6
NVB	26,900	8.91%	141.6

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
IJC	5,559,200	135.40
VHM	1,000,000	107.50
ACB	2,601,025	94.39
GEX	2,789,802	62.55
TDM	2,000,000	61.00

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
TAR	500,000	6.70
NFC	34,485	0.36
HVT	8,324	0.29
THB	8,800	0.08
VCS	70	0.01

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	33.85	1,384.14	24.70	1,224.98	9.15	159.17
HNX	0.93	22.98	0.47	13.57	0.46	9.41
Tổng 2 sàn	**34.78**	**1,407.12**	**25.16**	**1,238.55**	**9.61**	**168.58**

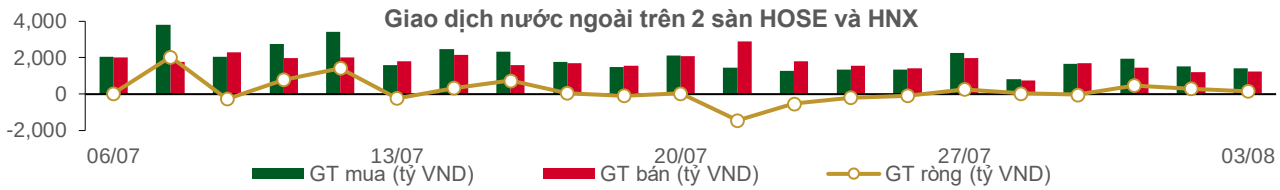

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
SSI	56,500	2,313,400	128.20
VHM	110,900	1,036,700	111.54
VIC	114,500	929,000	105.68
MSN	137,800	767,400	104.69
MBB	29,300	3,241,400	94.31

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VND	49,900	249,900	11.91
DXS	25,600	255,000	6.45
KLF	3,900	266,300	1.04
NVB	26,900	28,300	0.77
LAS	15,700	24,200	0.38

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VIC	114,500	2,816,500	320.90
VRE	28,300	3,674,608	103.02
HPG	47,250	2,072,700	97.96
VNM	87,100	1,025,900	89.42
MSN	137,800	470,100	64.12

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VND	49,900	108,700	5.05
VCS	121,300	15,080	1.83
KHG	16,000	87,900	1.40
NBP	14,300	96,900	1.38
PVS	24,900	37,800	0.93

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	56,500	2,206,000	122.29
MBB	29,300	3,124,400	90.90
STB	29,800	2,602,500	76.59
VHM	110,900	670,300	71.33
HDB	34,900	1,544,900	53.26

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VND	49,900	141,200	6.86
DXS	25,600	254,900	6.44
KLF	3,900	266,300	1.04
NVB	26,900	21,700	0.59
LAS	15,700	23,700	0.37

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VIC	114,500	(1,887,500)	(215.22)
CTG	34,100	(1,083,700)	(36.35)
VCI	51,500	(531,900)	(26.54)
VRE	28,300	(903,108)	(25.01)
HPG	47,250	(380,400)	(18.03)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VCS	121,300	(15,080)	(1.83)
KHG	16,000	(87,800)	(1.40)
NBP	14,300	(96,900)	(1.38)
BVS	28,600	(27,400)	(0.77)
PVS	24,900	(22,700)	(0.56)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	24,700	0.0%	1,640,100	40.21
FUEMAV30	17,400	1.8%	154,900	2.64
FUESSV30	18,800	-2.5%	63,000	1.16
FUESSV50	21,200	0.5%	48,900	1.03
FUESSVFL	21,480	1.8%	581,100	12.09
FUEVFVND	26,000	1.2%	1,554,800	39.62
FUEVN100	18,580	1.4%	86,500	1.58
Tổng cộng			**4,129,300**	**98.34**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	34.40	14.05	20.35
FUEMAV30	2.05	2.07	(0.02)
FUESSV30	0.18	0.89	(0.71)
FUESSV50	0.23	0.00	0.23
FUESSVFL	10.15	0.91	9.24
FUEVFVND	35.25	3.07	32.17
FUEVN100	1.01	0.97	0.04
Tổng cộng	**83.27**	**21.97**	**61.30**

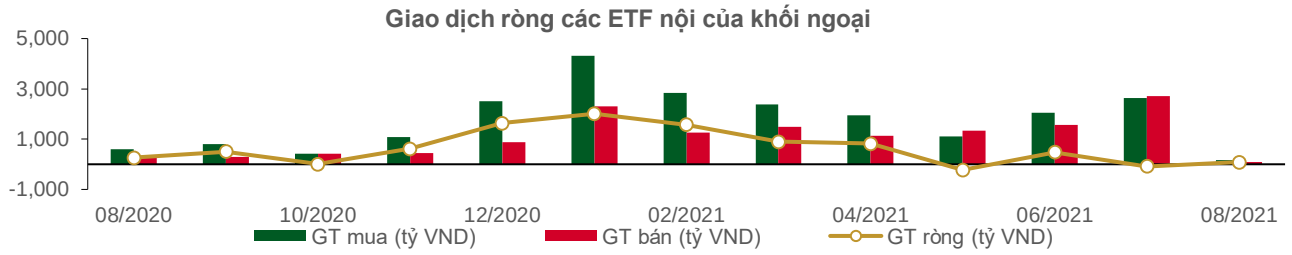

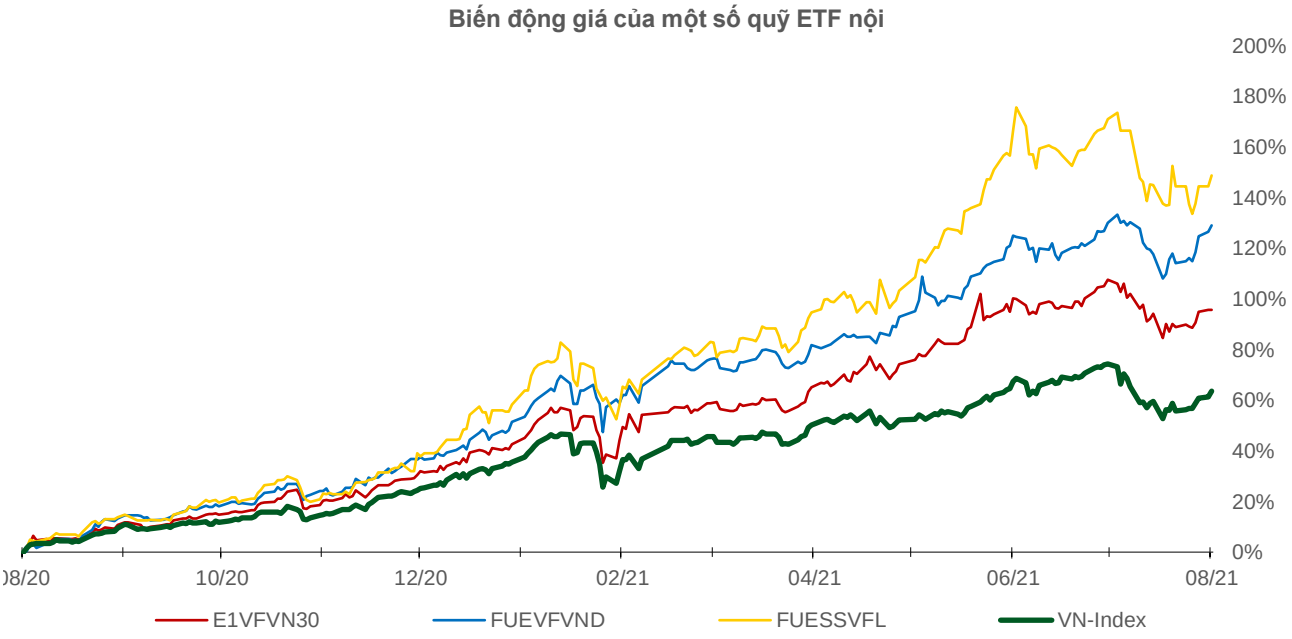

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2102	5,550	31.2%	22,860	160	95,800	1,731	(3,819)	90,000	5.0	10/01/2022
CHDB2101	2,250	4.2%	3,780	50	34,900	1,020	(1,230)	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	6,990	-0.1%	1,220	50	47,250	4,443	(2,547)	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	11,000	-1.4%	37,770	6	47,250	10,921	(79)	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	8,470	-2.4%	8,140	24	47,250	6,929	(1,541)	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,380	-11.5%	36,750	9	47,250	979	(401)	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,370	-11.0%	71,260	9	47,250	963	(407)	43,710	3.7	12/08/2021
CHPG2109	7,040	87.0%	5,190	160	47,250	684	(6,356)	55,000	1.0	10/01/2022
CKDH2002	4,390	2.6%	55,870	13	40,950	4,478	88	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	3,060	7.8%	17,650	50	40,950	2,387	(673)	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	7,010	5.1%	9,880	10	40,950	7,054	44	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	870	-2.3%	10,970	9	29,300	511	(359)	25,530	7.4	12/08/2021
CMSN2101	2,820	0.7%	13,070	50	137,800	1,967	(853)	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	2,300	5.5%	10,380	50	137,800	1,413	(887)	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	8,400	1.7%	8,970	10	137,800	8,577	177	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2104	6,440	1.1%	22,490	(134)	169,900	(13)	(6,453)	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	5,650	-0.9%	12,880	24	169,900	4,824	(826)	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	5,060	-0.8%	2,420	50	105,500	4,174	(886)	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	2,600	0.0%	2,940	55	105,500	947	(1,653)	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	2,680	1.5%	20,080	24	93,900	1,029	(1,651)	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	3,820	2.7%	9,080	55	93,900	1,121	(2,699)	89,000	5.0	27/09/2021
CSBT2101	1,600	1.9%	1,480	50	19,000	0	(1,600)	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	5,700	0.0%	3,260	50	29,800	3,933	(1,767)	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	5,750	0.9%	44,130	6	29,800	5,903	153	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	8,290	1.2%	2,520	24	29,800	6,933	(1,357)	22,900	1.0	27/08/2021
CSTB2105	5,830	54.2%	70,000	160	29,800	2,223	(3,607)	30,000	1.0	10/01/2022
CTCB2101	23,400	0.2%	6,740	63	51,800	20,917	(2,483)	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	7,970	3.5%	63,280	6	51,800	8,156	186	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	6,200	1.6%	5,050	24	51,800	3,033	(3,167)	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	80	-11.1%	19,720	13	19,200	(0)	(80)	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	680	-9.3%	7,380	50	19,200	0	(680)	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	70	-12.5%	15,860	10	19,200	(0)	(70)	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	50	-37.5%	29,190	9	19,200	0	(50)	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	2,300	12.2%	12,520	50	110,900	300	(2,000)	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,190	11.2%	60,290	6	110,900	1,294	104	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,010	4.1%	36,430	10	110,900	683	(327)	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	580	-9.4%	24,750	9	110,900	(0)	(580)	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,670	28.5%	20,950	50	114,500	1	(1,669)	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,370	37.0%	32,430	55	114,500	(0)	(1,370)	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	510	2.0%	5,630	50	87,100	(0)	(510)	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	700	-10.3%	7,660	41	87,100	0	(700)	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	660	-10.8%	56,340	55	87,100	0	(660)	117,930	19.8	27/09/2021
CVNM2106	5,050	31.2%	60,500	163	87,100	166	(4,884)	100,000	5.0	13/01/2022
CVPB2103	11,900	-2.0%	17,270	6	60,800	12,157	257	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	6,100	-1.5%	10,290	24	60,800	3,957	(2,143)	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2101	1,190	-0.8%	4,500	50	28,300	0	(1,190)	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	100	66.7%	39,470	6	28,300	(0)	(100)	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	90	-30.8%	15,630	10	28,300	(0)	(90)	34,300	2.0	13/08/2021

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK		Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
STK	(New)	HOSE	44,300	45,300	30/07/2021	239	2,835	15,598	18%	12%	16.0	2.9
PNJ	(New)	HOSE	96,500	112,600	29/07/2021	1,411	6,203	27,067	23%	15%	18.2	4.2
TCM	(New)	HOSE	76,900	65,800	28/07/2021	285	4,595	29,994	15%	9%	14.3	2.2
VNM	(New)	HOSE	87,100	118,000	28/07/2021	9,988	4,732	16,254	29%	19%	25.9	7.3
SZC	(New)	HOSE	43,000	45,800	26/07/2021	254	2,543	13,930	18%	4%	18.0	3.3
KDC		HOSE	62,000	74,000	23/07/2021	594	2,169	33,140	8%	4%	34.1	2.8
VHC		HOSE	40,250	49,500	22/07/2021	820	4,471	30,346	15%	11%	11.1	1.6
FRT		HOSE	37,900	39,000	21/07/2021	86	1,086	15,486	7%	1%	35.9	2.5
DGW		HOSE	157,000	155,000	19/07/2021	448	10,128	35,337	29%	12%	15.3	4.4
PVI		HNX	38,500	39,777	16/07/2021	928	3,964	32,723	12%	4%	10.0	1.2
VIB		HOSE	41,600	46,400	15/07/2021	5,546	3,571	18,001	2%	24%	13.0	2.6
BMI		HOSE	42,150	42,800	13/07/2021	310	3,395	26,601	13%	5%	12.6	1.6
DXG		HOSE	22,000	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1
DHC		HOSE	89,500	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4
GMD		HOSE	47,700	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5
GVR		HOSE	33,700	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1
HPG		HOSE	47,250	64,800	02/07/2021	28,065	1,042	18,845	33%	18%	10.4	3.4
TPB		HOSE	34,550	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2
KDH		HOSE	40,950	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6
AAA		HOSE	16,250	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0
NLG		HOSE	43,450	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6
VRE		HOSE	28,300	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6
VHM		HOSE	110,900	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2
PHR		HOSE	50,800	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1
KBC		HOSE	34,600	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5
REE		HOSE	54,300	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4
ANV		HOSE	26,750	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4
FMC		HOSE	37,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9
MPC		UPCOM	34,967	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6
IMP		HOSE	71,100	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3
DHG		HOSE	93,800	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6
MWG		HOSE	169,900	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8
SAB		HOSE	155,300	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1
MSN		HOSE	137,800	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3
NVL		HOSE	105,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5
VGG		UPCOM	43,139	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3
VCB		HOSE	98,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6
ACB		HOSE	35,800	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4
TCB		HOSE	51,800	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0
GEG		HOSE	16,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7
BMP		HOSE	56,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1
CTD		HOSE	64,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7
FPT		HOSE	95,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5
VGS		HNX	15,300	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4
SMC		HOSE	46,800	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4
ACV		UPCOM	75,243	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7
PLX		HOSE	51,200	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7
SBT		HOSE	19,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2
QNS		UPCOM	43,831	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3
GAS		HOSE	93,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7
MSH		HOSE	69,800	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8
TNG		HOSE	22,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2021F (tỷ VND)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F
GIL	HOSE	67,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3
BSR	UPCOM	18,878	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2
GTN	HOSE	16,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3
LHG	HOSE	51,700	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0
CTR	UPCOM	81,394	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6
POW	HOSE	10,800	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912